

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 8 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Văn Hòa.

Ông Lâm Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bé Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Ngọc Y, sinh năm 1992. Căn cước công dân số: 094192002810, cấp ngày 07-11-2022. Địa chỉ: Ấp T, xã P, Thành phố Cần Thơ. Ở: Số C, Đường D, Khóm G, Phường P, Thành phố Cần Thơ. (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Huỳnh Tuấn A, sinh năm 1991. Căn cước công dân số: 094091002511, cấp ngày 07-11-2022. Địa chỉ: Ấp T, xã P, Thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 3 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh A tổ chức đám cưới vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân Phường P, Thành phố Cần Thơ) ngày 20-01-2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không

còn phù hợp, bất đồng ý kiến, anh A không quan tâm, chăm sóc vợ, con, từ tháng 01-2025 chị Y và anh A không còn chung sống với nhau cho đến nay. Chị Y nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh A.

Về con chung: Thời gian chung sống, chị Y và anh A có con chung tên Huỳnh Hồ Thiên Ân, sinh ngày 02-11-2023. Cháu Ân hiện đang sống cùng với chị Y. Sau khi ly hôn, chị Y yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

- Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Huỳnh Tuấn A trình bày:

Anh A thống nhất với trình bày của chị Y về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ. Theo anh A, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh A chăm lo làm ăn, thiếu quan tâm, chăm sóc vợ, con. Thời gian vợ chồng không còn chung sống, anh A nhận thấy được trách nhiệm của mình, mong muốn được hàn gắn để chăm lo cho con. Do đó, anh A không đồng ý ly hôn với chị Y. Trường hợp, Tòa án giải quyết ly hôn, anh A đồng ý giao con chung cho chị Y nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung thì không có, không yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn vắng mặt các phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y: Chị Y được ly hôn với anh A. Giao con chung tên Huỳnh Hồ Thiên Ân, sinh ngày 02-11-2023 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và anh A không phải cấp dưỡng cho con. Chị Y, anh A thống nhất trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc Y khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con với bị đơn anh Huỳnh Tuấn A. Anh Huỳnh Tuấn A cư trú tại ấp T, xã P, Thành phố Cần Thơ. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Y có đơn xin vắng mặt, anh A vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Y, anh A đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, chị Y có đơn xin vắng mặt, anh A vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Y, anh A.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y, anh A tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân Phường P, Thành phố Cần Thơ) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 20-01-2012. Tại thời điểm kết hôn, chị Y, anh A đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 9, 10, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Y, anh A được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị Y, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn chị Y, anh A chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Y, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính tình không còn phù hợp, bất đồng ý kiến, từ tháng 01-2025 chị Y và anh A không còn chung sống với nhau đến nay. Theo anh A, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh A chăm lo làm ăn nên thiếu quan tâm, chăm sóc vợ, con. Như vậy, thời gian chung sống giữa chị Y, anh A phát sinh mâu thuẫn không thể tự hàn gắn được, từ tháng 01-2025 chị Y, anh A không còn chung sống với nhau đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ, chị Y không đồng ý, cương quyết yêu cầu ly hôn với anh A. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Y, anh A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Y yêu cầu được ly hôn với anh A là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: Theo Giấy khai sinh số 479/2023, đăng ký ngày 08-11-2023 thể hiện chị Y, anh A có con chung tên Huỳnh Hồ Thiên Ân (giới tính: Nam), sinh ngày 02-11-2023. Đồng thời, chị Y, anh A thống nhất cháu Huỳnh Hồ Thiên Ân (giới tính: Nam), sinh ngày 02-11-2023 là con chung của anh, chị. Do đó, có căn cứ xác định, cháu Huỳnh Hồ Thiên Ân (giới tính: Nam), sinh ngày 02-11-2023 là con chung của chị Y, anh A.

[6] Xét yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị Y, Hội đồng xét xử xét thấy, con chung đang sống cùng với chị Y, cuộc sống đã ổn định, anh A đồng ý giao con chung cho chị Y nuôi dưỡng. Như vậy, chị Y và anh A đã thống nhất được với nhau về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, sự thống nhất này đảm bảo cuộc sống con chung ổn định, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Do đó, chị Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi là có căn cứ chấp nhận.

[7] Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi”* và Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản*

trở”. Theo quy định này, anh A là người không trực tiếp nuôi con chung phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống với chị Y. Đồng thời, anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[8] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Theo quy định này, anh A là người không trực tiếp nuôi con chung phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, chị Y không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y, anh A thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[10] Như đã nhận định, phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Chị Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng.

[12] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Ngọc Y được ly hôn với anh Huỳnh Tuấn A.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Hồ Thiên Ân (giới tính: Nam), sinh ngày 02-11-2023 cho chị Hồ Thị Ngọc Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Huỳnh Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Hồ Thị Ngọc Y không yêu cầu anh Huỳnh Tuấn A phải cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hồ Thị Ngọc Y và anh Huỳnh Tuấn A thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Hồ Thị Ngọc Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số 0006024 ngày 31-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Cần Thơ). Chị Hồ Thị Ngọc Y đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ
(Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- TAND thành phố Cần Thơ
(Phòng GD, KT, TT và THA);
- UBND phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt